

PHÁC THẢO MÔ HÌNH LÝ THUYẾT VỀ NHÂN CÁCH VĂN HOÁ TRÍ THỨC

Lê Thị Thanh Hương

Viện Tâm lý học.

Việc xác định một mô hình nhân cách văn hoá của một tầng lớp xã hội nhất định có ý nghĩa rất lớn. Một mặt, mô hình đó là sự phản ánh cụ thể chiến lược phát triển con người của đất nước, do đó có ý nghĩa định hướng hoạt động giáo dục của xã hội. Mặt khác, để mô hình đó có thể trở thành hiện thực hoá trong thực tiễn cuộc sống thì mô hình phải bám sát thực tiễn cuộc sống. Nói cách khác, cần có những điều kiện hiện thực để mô hình đã được xác định có thể phát triển, chẳng hạn, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cần có những chính sách phù hợp. Như vậy, việc xây dựng mô hình nhân cách văn hoá của một tầng lớp xã hội vừa có ý nghĩa định hướng cho hoạt động giáo dục vừa là điểm tựa cho việc điều chỉnh các chính sách quản lý xã hội.

1. Một số xuất phát điểm trong xây dựng mô hình lý thuyết nhân cách văn hoá trí thức

Xuất phát điểm thứ nhất: Tên gọi của mô hình quy định phạm vi nội dung của mô hình và góc độ tiếp cận những mặt cấu thành cụ thể

Nhiệm vụ đặt ra là xây dựng mô hình nhân cách văn hoá của một tầng lớp xã hội. Như vậy, góc độ tiếp cận ở đây là tiếp cận liên khái niệm: Nhân cách và văn hoá. Vì vậy, những nội dung cần được chú trọng là những gì thể hiện rõ nhất mối quan hệ giữa nhân cách và văn hoá. Chúng ta đều hiểu rằng văn hoá là một khái niệm có nội hàm rất rộng. Trong văn hoá có văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể. Trong lĩnh vực văn hoá phi vật thể có thể có những sản phẩm của hoạt động nghệ thuật dân gian như tuồng, chèo, các lễ hội, tín ngưỡng tôn giáo... và có cả những nét đặc trưng văn hoá dân tộc thể hiện trong cách ứng xử, quan hệ của con người với người khác, với xã hội, tự nhiên và với bản thân, những phẩm chất tâm lý dân tộc... Theo chúng tôi, khi bàn đến nhân cách văn hoá cần chú trọng đến những đặc trưng văn hoá ứng xử trong các mối quan hệ của con người - những gì thể hiện sinh động nhất mối quan hệ giữa nhân cách và văn hoá. Từ góc độ văn hoá, chúng ta nghiên cứu nhân cách như những chủ thể của các hoạt động xã hội, tồn tại trong các mối quan hệ xã hội

phức tạp, mang những nét nhân cách đặc trưng văn hoá dân tộc, cộng đồng mà con người cụ thể đó là thành viên. Từ góc độ nhân cách thì khía cạnh văn hoá phi vật thể, mà cụ thể hơn là các khuôn mẫu hành vi ứng xử của con người, cộng đồng người trong các mối quan hệ với tự nhiên, xã hội (với những quy mô khác nhau như gia đình, dòng họ, làng xã, tộc người, quốc gia, nhân loại...) và với bản thân - những khuôn mẫu hành vi ứng xử thể hiện những nét tâm lý đã trở thành đặc trưng văn hoá cho cộng đồng người là khía cạnh văn hoá thể hiện sinh động nhất những nhân cách - chủ thể của nền văn hoá đó.

Xuất phát điểm thứ hai: Chức năng, vai trò xã hội của nhóm xã hội có nhân cách văn hoá được nghiên cứu

Rất khó đánh giá những nét đặc trưng nhân cách văn hoá của con người một cách chung chung, bởi giá trị của một nét nhân cách nào đó còn tùy thuộc vào chỗ nó được xem xét trong những mối quan hệ nào. Nhân cách thể hiện giá trị xã hội của mỗi cá nhân, mỗi nhóm xã hội, mà các giá trị xã hội lại gắn liền với những vai trò xã hội mà cá nhân, nhóm xã hội đảm nhận. Trên thực tế, mỗi cá nhân, mỗi nhóm xã hội thực hiện nhiều vai khác nhau trong những mối quan hệ khác nhau. Vì vậy, để có thể xác định và đánh giá chính xác hơn những đặc điểm nhân cách văn hoá của cá nhân hay nhóm xã hội nhất định, cần xuất phát từ những chức năng, vai xã hội của họ trong một số mối quan hệ nhất định. Theo chúng tôi, một cách chung nhất, có thể xác định hai vai cơ bản sau đây của bất cứ nhóm xã hội nào trong xã hội:

- Vai nghề nghiệp: Trong xã hội, bất cứ một cá nhân nào hay nhóm xã hội nào cũng sẽ tham gia (trực tiếp hay gián tiếp) vào quá trình phát triển của xã hội và thông qua đó thể hiện giá trị xã hội của mình bằng những hoạt động đa dạng khác nhau, trong đó hoạt động nghề nghiệp/hoạt động lao động là hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng. Về cơ bản, mỗi cá nhân hay nhóm xã hội đều có thể được quy vào một nhóm nghề nghiệp/lao động nào đó trong xã hội. Nói cách khác, tiêu chí nghề nghiệp là một trong những tiêu chí cơ bản để phân tách các nhóm xã hội trong một cộng đồng xã hội chung. Từ những đặc thù nghề nghiệp của mình, nhóm xã hội nhất định sẽ có được vị trí xã hội nhất định và phải đảm nhận những chức năng xã hội nhất định. Những điều này trong những bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể sẽ quy định và đòi hỏi con người thuộc nhóm xã hội đó phải có những đặc điểm nhân cách văn hoá phù hợp, đáp ứng những yêu cầu của xã hội.

- Vai công dân: Mỗi cá nhân, mỗi nhóm xã hội với tư cách là một cấu thành tạo nên một xã hội công dân đều phải thực hiện vai trò công dân của mình. Ở một mức độ nào đó (có thể là dưới góc độ pháp luật) vai trò này là như nhau đối với tất cả các nhóm xã hội khác nhau, nhưng trên thực tế cũng sẽ có những khác biệt (dưới góc độ những đòi hỏi của dư luận xã hội, của nghề nghiệp) do nó chịu sự chi phối nhất định của vị trí xã hội và chức năng xã hội

mà con người có được từ hoạt động nghề nghiệp của mình. Vai công dân đòi hỏi con người thuộc các nhóm xã hội khác nhau phải có những đặc điểm nhân cách văn hoá và khuôn mẫu hành vi ứng xử phù hợp với giai đoạn phát triển cụ thể của xã hội, phù hợp với hệ thống các chuẩn mực hành vi mà xã hội đó chấp nhận. Trong vai trò này, những nét đặc trưng nhân cách văn hoá của con người có thể được xem xét rõ nhất trong các mối quan hệ với những người khác, với đất nước, dân tộc, nhân loại, gia đình, dòng họ, cộng đồng và trong quan hệ với bản thân.

Hai vai nêu trên (vai liên quan đến hoạt động nghề nghiệp và vai công dân) tạo nên hai mặt của mô hình nhân cách văn hoá, quy định tính đặc thù của hai mặt cấu thành đó. Trong vai công dân thì nội dung chủ yếu tập trung vào các phẩm chất, các khuôn mẫu hành vi ứng xử trong các mối quan hệ nêu trên. Trong vai là nhóm xã hội nghề nghiệp thì việc nghiên cứu không chỉ tập trung vào các phẩm chất nghề nghiệp của nhân cách, mà còn cần tìm hiểu những năng lực nghề nghiệp của họ, xác định những mặt yếu, mặt mạnh của họ trước những yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước.

Xuất phát điểm thứ ba: Bối cảnh phát triển

Văn hoá và nhân cách không tĩnh tại, mà luôn vận động. Vì vậy, việc nghiên cứu nhân cách văn hoá của một nhóm xã hội nhất định không thể tách rời khỏi bối cảnh phát triển cụ thể của đất nước. Bối cảnh phát triển cụ thể sẽ đặt ra những yêu cầu đối với mỗi con người, mỗi nhóm xã hội, buộc cá nhân hay nhóm phải thay đổi và rèn luyện để có được những nét nhân cách văn hoá đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn phát triển. Những nhiệm vụ mà xã hội đặt ra cho cá nhân, nhóm xã hội trong mỗi giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể cũng là cơ sở để người nghiên cứu có thể xác định những mặt tích cực và những mặt hạn chế trong nhân cách văn hoá của mỗi cá nhân hay nhóm xã hội, cũng như xác định xem trong số những đặc trưng văn hoá của dân tộc thì đâu là những đặc trưng có thể phát huy để đất nước, dân tộc tiếp tục phát triển nhanh trong bối cảnh mới, để mỗi cá nhân có thể đóng góp nhiều hơn cho xã hội và bản thân, đâu là những điểm hạn chế, cản trở sự phát triển. Như vậy, từ xuất phát điểm bối cảnh phát triển cụ thể, người nghiên cứu có thể phác hoạ một cách chi tiết nhân cách văn hoá của tầng lớp xã hội được nghiên cứu trong những giai đoạn phát triển cụ thể của lịch sử đất nước.

2. Phác thảo mô hình nhân cách văn hoá trí thức

Trước khi đề xuất mô hình nhân cách văn hoá trí thức, chúng tôi xin nêu một số ý kiến trong tiếp cận nghiên cứu vấn đề này.

Những phẩm chất nhân cách văn hoá của con người thực chất là những giá trị được cá nhân tiếp thu, lĩnh hội hoặc sáng tạo ra trên cơ sở các giá trị,

chuẩn mực xã hội. Nhưng việc tiếp thu những giá trị, chuẩn mực xã hội có nhiều cấp độ khác nhau.

Nói đến hệ giá trị, hệ chuẩn mực của con người là nói đến một trật tự thứ bậc nhất định (chẳng hạn, theo tiêu chí mức độ: quan trọng - không quan trọng, mong muốn hay không mong muốn, cần thiết - không cần thiết...) của những giá trị, những chuẩn mực ứng xử mà cá nhân hay xã hội đã quy gán cho chúng trong tương quan với những giá trị, chuẩn mực khác trong hệ thống. Ý nghĩa xã hội làm cho vấn đề hệ giá trị, hệ chuẩn mực nhân cách của con người được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm là ở chỗ, các giá trị được đề cao trong hệ thống có tính thúc đẩy hành vi của con người, được họ lĩnh hội, nhập tâm hoá thành những phẩm chất của bản thân, qua đó tạo nên giá trị xã hội của nhân cách họ. Cho đến nay, nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu hệ giá trị, hệ chuẩn mực nhân cách của con người được thể hiện trong thực tiễn cuộc sống và xem hành động thực tiễn như chuẩn đánh giá duy nhất. Đây là một hướng nghiên cứu hợp lý, bởi chỉ những gì thật sự thôi thúc con người hành động thì mới thể hiện được giá trị của chúng. Tuy nhiên, một câu hỏi đặt ra, liệu trật tự thứ bậc của các giá trị trong hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội có như nhau đối với cá nhân khi xem xét ở những cấp độ khác nhau (chẳng hạn, cấp độ nhận thức, cấp độ hành vi...) hay không? Nếu có sự khác nhau thì việc tìm hiểu hệ giá trị thể hiện ở cấp độ nhận thức có ý nghĩa hay không trong mối quan hệ với vấn đề hình thành và phát triển nhân cách con người theo định hướng phù hợp với những yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước?

Theo chúng tôi, việc nghiên cứu quá trình cá nhân nội tâm hoá hệ giá trị, chuẩn mực xã hội (để chúng trở thành những phẩm chất nhân cách của cá nhân) cần phải được xem xét ở những cấp độ khác nhau. Có 3 cấp độ cần quan tâm. Đó là cấp độ nhận thức, cấp độ mong muốn - xúc cảm và cuối cùng là cấp độ hành vi (hành động thực tiễn)⁽¹⁾. Trên thực tế, hành động thực tiễn như là sự thể hiện khách quan hệ giá trị của cá nhân không phải là sự phản ánh đơn giản hệ giá trị đó. Để hiểu được thứ bậc các giá trị trong hệ giá trị của cá nhân hay nhóm xã hội nào đó cần phải xem xét ở nhiều cấp độ khác nhau và theo nhiều góc độ khác nhau, tính đến những mong muốn chủ quan của cá nhân lẫn những điều kiện khách quan mà cá nhân có được. Nói cách khác, mối tương quan giữa hệ giá trị, hệ chuẩn mực như một nhân tố nội lực, có tiềm năng thúc đẩy nhân cách hành động và hành động thực tiễn của nhân cách không phải là mối tương quan đơn nhất. Việc quan sát những hành động cụ thể của nhân cách chưa chắc đã cho thấy một cách đầy đủ và chính xác thứ bậc của các giá trị trong hệ giá trị của nhân cách. Chính vì vậy, việc nghiên cứu hệ giá trị, hệ chuẩn mực nhân cách văn hoá con người cần được xem xét ở những cấp độ biểu hiện khác nhau. Việc xem xét như vậy rất có ý nghĩa đối với việc điều chỉnh khi cần thiết. Chẳng hạn, trong trường hợp khi đối với cá nhân, thứ bậc các giá trị ở tất cả các cấp độ đều thống nhất với nhau, nhưng theo chiều hướng tiêu cực, không thuận

lợi cho sự phát triển của cá nhân cũng như của xã hội thì các giải pháp điều chỉnh phải tập trung tác động vào cả ba cấp độ, hướng vào việc thay đổi nhận thức, khơi dậy những xúc cảm tích cực và thay đổi các điều kiện khách quan nhằm điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực. Tuy nhiên, trong trường hợp có sự không thống nhất trong biểu hiện hệ giá trị ở các cấp độ khác nhau, chẳng hạn những biểu hiện ở cấp độ nhận thức và mong muốn đều phù hợp với các chuẩn đánh giá của xã hội, nhưng ở cấp độ hành vi lại có gì đó không phù hợp thì những giải pháp điều chỉnh chủ yếu sẽ phải tập trung vào việc thay đổi những điều kiện sống khách quan hơn là nhằm vào thay đổi nhận thức và xúc cảm của họ.

Việc phân chia các cấp độ thể hiện hệ giá trị, hệ chuẩn mực thể hiện các phẩm chất của nhân cách chỉ là tương đối. Sự chuyển hoá các giá trị ở cấp độ này sang cấp độ khác không chỉ chịu sự quy định của những nhân tố chủ quan, mà trong nhiều trường hợp, những điều kiện khách quan là những nhân tố có tính quyết định.

Khi nói đến các phẩm chất nhân cách văn hoá của tầng lớp trí thức Việt Nam hiện nay, theo chúng tôi, ít nhất cũng phải phân biệt hai cấp độ. Trước hết, đó là những phẩm chất nhân cách văn hoá mà xã hội đòi hỏi những người trí thức cần phải có để có thể thực hiện tốt chức năng xã hội của mình và được tầng lớp trí thức nhìn nhận là những giá trị quan trọng (đây là những giá trị ở cấp độ nhận thức). Những phẩm chất/giá trị này được rút ra từ những nhận định về vai trò xã hội của tầng lớp trí thức (vai trò nghề nghiệp và vai trò công dân), bối cảnh phát triển và định hướng mục tiêu phát triển của quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định. Tuy nhiên, những phẩm chất nhân cách văn hoá cần có đối với trí thức Việt Nam hiện nay được thể hiện trong thực tiễn cuộc sống như thế nào?, những giá trị, chuẩn mực được nhìn nhận là trí thức cần phải có đã chi phối hành động thực tiễn của họ đến đâu? (hệ giá trị, hệ chuẩn mực nhân cách văn hoá ở cấp độ hành vi) lại phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố khác nhau, bao gồm cả những nhân tố chủ quan từ phía người trí thức và cả những nhân tố khách quan liên quan đến môi trường văn hoá - xã hội, môi trường làm việc của tầng lớp xã hội nghề nghiệp này.

Trên cơ sở hai xuất phát điểm đầu tiên, chúng tôi đề xuất mô hình nhân cách văn hoá trí thức gồm hai mặt cơ bản:

1) Những phẩm chất liên quan trực tiếp đến hoạt động nghề nghiệp của trí thức, gồm những phẩm chất cơ bản liên quan đến những khía cạnh sau đây:

- Một số phẩm chất tư duy (ví dụ, tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy dự báo...).

- Một số phẩm chất nhân cách khác cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức (ví dụ, tính trung thực, tính dũng cảm...).

2) Những phẩm chất liên quan đến vai trò công dân của tầng lớp trí thức (ví dụ, ý thức trách nhiệm, xác định mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân - lợi ích cộng đồng, đất nước, tinh thần dân tộc...).

Sự phân tách những loại phẩm chất nhân cách văn hoá của người trí thức như vậy là có tính tương đối. Trên thực tế, những phẩm chất nhân cách văn hoá nêu trên (bao gồm những phẩm chất cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp và những phẩm chất đáp ứng vai trò công dân) được thể hiện đan xen vào nhau, tác động lẫn nhau và bổ xung cho nhau giúp người trí thức thực hiện tốt vai trò xã hội của mình trong sự phát triển chung của quốc gia và nhân loại.

Những đặc thù của hoạt động nghề nghiệp cùng với chức năng, vai trò xã hội của trí thức là cơ sở cho việc hình thành và phát triển ở trí thức những phẩm chất nhân cách văn hoá đặc trưng. Nhiều nhà nghiên cứu đã nêu ra những phẩm chất này. Có thể thấy những phẩm chất sau đây là những phẩm chất nổi trội, đặc trưng mà những trí thức chân chính thời đại nào cũng có:

- Tư duy sáng tạo, độc lập, hoài nghi lành mạnh, có khả năng phản biện, dự báo, họ luôn đặt lại vấn đề, không bằng lòng với những cái có sẵn, được coi là đã ổn định, họ luôn tự ý thức lại, tự phê bình bản thân... nhờ đó giúp xã hội tiến tới một trật tự tốt đẹp hơn (Vũ Khiêu, Tạ Ngọc Liên (2006), Huỳnh Khải Vinh (2001), Phạm Tất Dong (1995), Chu Hảo (2008), Hidechiro Nakano (1996), Nguyễn Ngọc (2008)...).

- Quan tâm đến những vấn đề xã hội, đất nước, luôn gắn kết những vấn đề nghề nghiệp với những vấn đề lớn của đất nước, dân tộc, nhân loại (Tạ Ngọc Liên (2006), Trương Thâu (2006), Phạm Tất Dong (1995), Paul Alexandre Baran, Nguyễn Ngọc (2008)...).

- Trung thực (Trần Hữu Dũng (2008), F.A. Hayek ...).

- Đam mê công việc, có trách nhiệm, dám hy sinh vì nghiệp lớn (Tạ Ngọc Liên (2006), Trần Hữu Dũng (2008), F.A. Hayek, Nguyễn Ngọc (2008)...).

- Dũng cảm, dám bảo vệ quan điểm của mình (Phạm Tất Dong (1995), Trần Hữu Dũng (2008), F.A. Hayek, Nguyễn Ngọc (2008)...).

- Tự chủ, có ý thức tự do tư tưởng (Trần Hữu Dũng (2008)...).

- Có đạo đức, có lương tri, có tính nhân bản, tôn thờ lý tưởng Chân - Thiện - Mỹ (Phạm Tất Dong (1995), Trần Hữu Dũng (2008), F.A. Hayek...).

Những phẩm chất nhân cách văn hoá nêu trên là những phẩm chất mà người trí thức cần phải có để có thể hoàn thành tốt chức năng và vai trò xã hội của mình. Cũng chính trên cơ sở thực hiện một cách nghiêm túc, có trách

nhệm các chức năng, vai trò xã hội đó mà những người trí thức lớn, trí thức chân chính mọi thời đại có được những phẩm chất đó.

Đảng và Nhà nước Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2020 nước ta sẽ trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Quá trình thực hiện mục tiêu đó lại diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, tính cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, có nhiều hạn chế về nhiều mặt so với nhiều nước trên thế giới. Bối cảnh đó đặt ra trước những người trí thức những nhiệm vụ mới. Nếu như ngày xưa, trong hoàn cảnh của mình, trí thức trần trở tìm đường cứu nước, dành độc lập, tự do và hạnh phúc cho nhân dân thì ngày nay trí thức phải trần trở về nguy cơ tụt hậu đang đè nặng lên đất nước (Vũ Khiêu). Để có thể hoàn thành được những nhiệm vụ mà đất nước đặt ra cho tầng lớp trí thức trong bối cảnh phát triển hiện nay, người trí thức phải nỗ lực hơn rất nhiều.

Từ đặc thù về hoạt động nghề nghiệp và chức năng, vai trò xã hội của tầng lớp trí thức, từ những đặc thù của bối cảnh phát triển mới và những nhiệm vụ mà công cuộc phát triển đất nước đặt ra, có thể phác thảo khái quát những nét nhân cách văn hoá cơ bản mà trí thức Việt Nam trong thời đại hiện nay cần có như sau:

*** Một số phẩm chất tư duy liên quan đến hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng những đòi hỏi của bối cảnh phát triển mới.** Gồm:

- Tư duy độc lập
- Tư duy sáng tạo/hoài nghi lành mạnh
- Tư duy toàn cầu
- Tư duy vượt trước (liên quan đến chức năng dự báo).

*** Một số phẩm chất nhân cách văn hoá cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức.** Gồm:

- Động cơ thành đạt
- Hứng thú nghề
- Dũng cảm/phản biện lành mạnh/phê phán lành mạnh
- Tinh thần hợp tác
- Ý thức trách nhiệm
- Tính tự tin
- Tính trung thực
- Tính năng động/nhạy bén

- Định hướng giá trị công việc (các giá trị: *Thu nhập, thăng tiến, thể hiện cái tôi tự do tư tưởng, khẳng định bản thân trong xã hội, hứng thú cá nhân, phát huy năng lực, tính ổn định của công việc, mạo hiểm*).

* **Một số phẩm chất nhân cách khác**

- Định hướng giá trị cuộc sống (kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích cộng đồng, đất nước, nhân loại...).

- Định hướng phát triển môi trường xã hội (đảm bảo dân chủ, công bằng xã hội, phát triển bền vững...).

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và tiếp thu các giá trị văn hoá mới nhằm phát triển văn hoá Việt Nam.

Những phẩm chất này có thật sự tồn tại ở tầng lớp trí thức Việt Nam hiện nay hay không lại phụ thuộc rất nhiều không chỉ vào bản thân trí thức, mà vào cả những điều kiện sống và làm việc của họ hiện nay.

Chú thích

1. Xem thêm Lê Thanh Hương, "*Đánh giá định hướng giá trị của con người*", Tạp chí Tâm lý học, số 7, 2003.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Khiêu, (2006), *Trí thức Việt Nam thời xưa*, NXB Thuận Hoá.
2. Trần Đình Hượu (1996), *Đến hiện đại từ truyền thống*, NXB Văn hoá.